

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành,
tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành (cấp lần đầu ngày 21/11/2023);

Xét Văn bản số 18/STNMT-BVMT ngày 02/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 57/Tr-STNMT ngày 12/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68 thực hiện tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành, Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Thành Tâm (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành,
tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án khai thác mỏ đất san lấp.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Vũ 68.
- + Người đại diện: Trần Thanh Định; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: 8/37 Hạng Mạc Tử, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Diện tích sử dụng đất khoảng 93.000m². Ranh giới tọa độ khu vực cụ thể như sau:

TT	Số hiệu điểm	Hệ VN2000, KT105 ⁰ 00 múi chiếu 3		Diện tích (m ²)
		X (m)	Y (m)	
Khu vực 1				
1	1	2224610	580710	41.053
2	2	2224690	580765	
3	3	2224689	580793	
4	4	2224548	580816	
5	5	2224501	580777	
6	6	2224397	580797	
7	7	2224273	580730	
8	8	2224278	580688	
9	9	2224447	580658	
10	10	2224560	580686	
Khu vực 2				
11	11	2223986	580965	51.947
12	12	2223888	581081	
13	13	2223641	580853	
14	14	2223756	580737	

- Công suất: 109.000m³/năm.
- Thời gian khai thác: 15 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản: 04 tháng).

1.3. Công nghệ khai thác

- Công nghệ khai thác: Mỏ khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác theo lớp bằng, khai thác từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, bốc xúc bằng máy xúc và vận chuyển bằng ô tô.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → bốc xúc → vận chuyển đất đi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính:

*** Khu vực 1:**

- Thi công tạo mặt bằng sân công nghiệp: diện tích 4.800m²;
- Thi công tạo diện công tác ban đầu 1: diện tích 940m²;
- Tuyến đường nội mỏ 1: chiều dài 497m, chiều rộng 6,0m;
- Xây dựng công trình phục vụ khai thác:
 - + Khu nhà điều hành: diện tích 100m²;
 - + Bãi thải: diện tích 1.800 m²; tường bao bãi thải có chiều dài 175m;
 - + Hồ lắng 1: diện tích 250m²;
 - + Rãnh thoát nước 1 có kích thước chiều dài 440m, chiều rộng 1,2m, sâu 0,8m.

*** Khu vực 2:**

- Thi công tạo diện công tác ban đầu 2: diện tích 1.210m²;
- Tuyến đường nội mỏ 2: chiều dài 135m, chiều rộng 6,0m;
- Xây dựng công trình phục vụ khai thác:
 - + Hồ lắng 2: diện tích 250m²;
 - + Rãnh thoát nước 2 có kích thước chiều dài 473m, chiều rộng 1,2m, sâu 0,8m.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án:

Các hoạt động của Dự án gồm xây dựng cơ bản mỏ; khai thác, xúc bốc, vận chuyển; hoạt động của các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Quá trình xây dựng cơ bản làm phát sinh khối lượng thực vật phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố do sạt lở trong quá trình thi công xây dựng cơ bản mỏ.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các thiết bị xúc bốc, gạt làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác, vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,5\text{m}^3/\text{ngày}$; trong đó, khu vực 1: khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$; khu vực 2: khoảng $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng $22.210,2\text{m}^3/\text{ngày}$; trong đó, khu vực 1: khoảng $9.587,1\text{m}^3/\text{ngày}$; khu vực 2: khoảng $12.623,1\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$; trong đó, khu vực 1: khoảng $0,5\text{m}^3/\text{ngày}$; khu vực 2: khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh: khoảng $22.237,2\text{m}^3/\text{ngày}$; trong đó, khu vực 1: khoảng $9.614,1\text{m}^3/\text{ngày}$; khu vực 2: khoảng $12.623,1\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh do hoạt động thi công xây dựng cơ bản (đào đắp, xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu).

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải nguyên vật liệu, thiết bị sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh trong quá trình xúc bốc, vận tải.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải nguyên vật liệu và sản phẩm sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $4,0\text{kg}/\text{ngày}$ trong thời gian thi công xây dựng cơ bản mở; trong đó, khu vực 1 khoảng $2,8\text{kg}/\text{ngày}$; khu vực 2 khoảng $1,2\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, vỏ chai, túi nilong.

- Khối lượng thực vật phát quang khoảng 0,96 tấn/giai đoạn thi công xây dựng cơ bản mở; trong đó, khu vực 1 khoảng 0,67 tấn; khu vực 2 khoảng 0,29 tấn.

- Khối lượng đất đào dư thừa sau khi tận dụng làm đường nội mở, tạo mặt bằng diện công tác ban đầu, sân công nghiệp phát sinh trong xây dựng cơ bản mở khoảng 21.576,56 m³; trong đó, khu vực 1 khoảng 16.354,48 m³; khu vực 2 khoảng 5.223,08 m³.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 5,2 kg/ngày; trong đó, khu vực 1: khoảng 4,0 kg/ngày; khu vực 2 khoảng 1,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, chai nhựa, túi nilong,...

- Đất bóc phủ phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 9.300m³; trong đó, khu vực 1 khoảng 4.105 m³; khu vực 2 khoảng 5.195 m³.

3.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Không phát sinh do không tiến hành thay dầu tại Dự án.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 03kg/tháng/khu vực từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,....

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: phát sinh khoảng 156,4lit/năm; trong đó, khu vực 1 khoảng 75,4lit/năm; khu vực 2: khoảng 81,0 lit/năm. Thành phần chủ yếu: dầu thải.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 02kg/tháng/khu vực từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,....

3.5. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ thiết bị bốc xúc và phương tiện vận chuyển.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn thực hiện của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tại mỗi khu vực, lắp đặt và sử dụng 01 nhà vệ sinh di động 03 ngăn, thể tích chứa chất thải khoảng 1,0m³/nhà để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn, nước thải thi công được thu vào các rãnh thoát nước (kích thước 913m x 1,2m x 0,8m), dọc các tuyến đường về hồ lắng để lắng trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Tại mỗi khu vực, lắp đặt và sử dụng 01 nhà vệ sinh di động 03 ngăn, thể tích chứa chất thải khoảng 1,0m³/nhà để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước từ moong khai thác được thu gom, lắng tại hồ lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, (cột B) trước khi chảy ra mương thoát nước chung của từng khu vực.

Quy trình: Nước mưa → mương thoát nước → hồ lắng → nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Toàn bộ nước tại moong khai thác, nước mưa chảy tràn khu vực khai thác được thu gom đưa về hồ lắng để lắng trước khi chảy ra môi trường. Định kỳ, nạo vét các khe rãnh thu gom nước và hồ lắng.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với 04 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Trồng bổ sung cây dọc tuyến đường vận chuyển.

4.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất 4 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

- Duy trì dải cây xanh, trồng dặm tại các khu vực đã trồng cây từ giai đoạn thi công xây dựng.

- Sử dụng xe được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Bố trí khu vực rửa xe vận chuyển ra vào dự án tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp, các xe vận chuyển được rửa lốp bánh xe trước khi ra khỏi Dự án.

- Các phương tiện vận chuyển được che phủ bạt; vận chuyển theo đúng tải trọng cho phép; bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ khi dễ xảy ra rơi vãi nhằm hạn chế tác động đến hoạt động giao thông và khu dân cư xung quanh.

- Hạn chế tối đa vận chuyển đất vào khung giờ cao điểm (giờ đi/tan học của học sinh, công nhân...).

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng tại vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sinh khối thực vật phát quang: Đối với các loại cây lấy gỗ của rừng sản xuất được chủ sở hữu rừng tận thu lâm sản (phần thân gỗ), phần sinh khối (lá, rễ cây, thảm thực vật) không tận dụng được thu gom, hợp đồng với đơn vị xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 05 thùng rác loại 20 lít/thùng, 60 lít/thùng, 120 lít/thùng đặt tại 02 khu vực công trường thi công; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 2 lần/ngày.

- Khối lượng đất đào dư thừa sau khi tận dụng làm đường nội mỏ, tạo mặt bằng diện công tác ban đầu, sân công nghiệp phát sinh trong xây dựng cơ bản mỏ được bán cho các hộ xung quanh tận dụng san lấp mặt bằng, trồng cây.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phát sinh tại mỗi khu vực khai thác được phân loại, thu gom vào 04 thùng rác (loại 60 lít/thùng, 120 lít/thùng). Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất bóc phủ tại mỗi khu vực khai thác được vận chuyển, lưu trữ toàn bộ tại bãi chứa đất phủ có diện tích 1.800m² thuộc khu vực khai thác 1; tường bao bãi thải có tổng chiều dài 175m; khi đổ thải được lu lèn tạo độ chặt với hệ số k=0,85. Đất bóc tầng phủ được lưu giữ phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường.

4.3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi

trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.4. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Không phát sinh do không tiến hành thay dầu tại Dự án.
- Chất thải nguy hại dạng rắn phát được thu gom vào thùng chứa riêng có dung tích 100 lít, có dán nhãn và được đặt trong kho chứa của mỗi khu vực.

4.4.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi khu vực được phân loại, thu gom, chứa trong các thùng chứa chuyên dụng (thùng 100 lít và thùng 200 lít) có nắp đậy và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3m² được xây dựng trong từng khu vực khai thác. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

4.5.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.
- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.
- Lắp đệm cao su chống ồn, chống rung tại các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung, hộp dầu giảm chấn,...

4.5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.
- Trồng và duy trì cây xanh xung quanh khu vực khai thác, tuyến đường vận tải.

4.5.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản:

a. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

- Đối với moong khai thác: củng cố bờ moong khai thác; nạo vét rãnh thoát nước xung quanh khai trường, san gạt mặt bằng, đào hố trồng cây keo lai với mật độ 1.660 cây/ha.
- Đối với khu vực hồ lắng: san lấp các hồ lắng, đào hố trồng cây keo lai với mật độ 1.660cây/ha.
- Bãi chứa đất phủ: đào hố trồng keo lai với mật độ 1.660 cây/ha;
- Cải tạo tuyến đường vận tải: trồng cây keo lai với mật độ 1.660 cây/ha hai bên lề tuyến đường vận tải; nạo vét rãnh thoát nước hai bên lề tuyến đường vận tải; tu sửa lu lèn lại mặt đường.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Khu vực khai thác 1		
2	Làm biển báo bê tông cốt thép	cái	9
	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	9
3	Bạt mái taluy đai bảo vệ	100m ³	11,21
4	Đào mương thoát nước	100m ³	6,336
5	Bốc xúc đất màu bằng máy đào	100m ³	34,710
6	Chi phí vận chuyển đất từ bãi thải về moong khai thác	100m ³	1,467
7	San gạt mặt bằng moong khai thác	100m ³	98,22
8	Trồng cây trên mặt taluy	ha	1,121
9	Trồng keo tai tượng Úc khu vực moong khai thác	ha	3,274
B	Khu vực xây dựng các công trình		
1	Tháo dỡ mái tôn có chiều cao <4m	m ²	128
2	Tháo dỡ sà gò có chiều cao <4m	tấn	0,48
3	Phá dỡ cửa, cửa chính, cửa sổ	m ²	12,6
4	Phá dỡ tường gạch thủ công	m ³	175,7
5	Phá dỡ kết nền xi măng có cốt thép	m ³	0,75
6	Phá dỡ kết nền xi măng không cốt thép	m ³	46,35
7	Di dời máy móc thiết bị bằng ô tô	chuyển	5
8	Trám lấp giếng	m ³	0,88
9	Vận chuyển đồ thải bằng ô tô	100m ³	6,079
10	Lấp hồ lắng	100m ³	5,00
11	Tháo dỡ cột điện	cái	6,0
12	Tháo dỡ dây cáp điện	công	1,0
13	Tháo dỡ tường kè xung quanh bãi thải, tường xây đá hộc.	m ³	114,55
C	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,32
2	Gia cố tuyến đường ngoại mở	100m ³	4,8

II	Khu vực khai thác 2		
A	Khu vực moong khai thác		
1	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0, 7x0, 7x0,7m	cái	9
2	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	9
3	Bạt mái taluy đai bảo vệ	100m ³	12,05
4	Đào mương thoát nước	100m ³	6,8112
5	Bốc xúc đất màu bằng máy đào	100m ³	46,951
6	Chi phí vận chuyển đất từ bãi thải về moong khai thác.	100m ³	1,991
7	San gạt mặt bằng moong khai thác	100m ³	133,26
8	Trồng cây trên mặt taluy	ha	1,205
9	Trồng keo tai tượng Úc khu vực moong khai thác	ha	4,442
B	Khu vực xây dựng các công trình		
1	Phá dỡ kết nền xi măng có cốt thép	m ³	0,75
2	Phá dỡ kết nền xi măng không cốt thép	m ³	19,5
3	Di dời máy móc thiết bị bằng ô tô	chuyển	3
4	Vận chuyển đồ thải ô tô	100m ³	126,1
10	Lắp hồ lắng	100m ³	5,00
6	Tháo dỡ cột điện	cái	4
7	Tháo dỡ dây cáp điện	công	1
8	Tháo dỡ tường kè xung quanh bãi thải, tường xây đá hộc.	m ³	19,5
C	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,16
2	Gia cố tuyến đường ngoại mở	100m ³	2,4

b. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã tính toán là: **715.374.790 đồng.**

- Số lần ký quỹ 15 lần:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (20%): **143.074.958 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở;

+ 14 (mười bốn) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **40.878.559 đồng**; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2023. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

4.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thường xuyên kiểm tra và quan trắc hiện tượng trượt, sạt lở (nhất là sau các trận mưa lớn).

- Công tác phòng chống mưa bão: lập kế hoạch chống bão trong sản xuất kinh doanh, chủ động bố trí nhân lực, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong phòng chống bão, dự trữ thêm vật tư sửa chữa, phương tiện bảo vệ cá nhân, áp phao, dây neo, áo quần đi mưa...

- Lập phương án phòng ngừa sự cố liên quan tới vỡ/tràn hồ lắng, trượt lở moong khai thác.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống khe hoặc mương thoát nước, hệ thống công tránh hiện tượng bồi lắng đất ở cửa và trong lòng khe, mương, cống; thường xuyên nạo vét hồ lắng.

- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân khai thác lộ thiên.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho toàn bộ công nhân viên về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, định kỳ tiến hành kiểm tra trình độ, kiến thức về an toàn lao động.

- Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.